

Bản án số: **134** /2020/ HS-PT

Ngày: 20/2/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đình T**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Bích Ng**

Bà Phan Thanh H

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Nghĩa H—Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H- Kiểm sát viên.

Ngày 20/2/2020 tại trụ sở Tòa án, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 851/2019/TLPT – HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Quang Ch do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL.

Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2019/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố HN.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 841/2019/QĐXXPT - HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Quang Ch sinh năm 1985 tại HN;

ĐKKHKT: Tổ dân phố Yên Nội 3, phường LM, quận BTL, thành phố HN; hiện trú tại: số 9, ngách 101/37 phường LM, quận BTL, thành phố HN;

Nghề nghiệp: kinh doanh tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Quang B và bà Phạm Thị Q; Vợ: Nguyễn Thị H; có 2 con (con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bắt khẩn cấp và tạm giữ và tạm giam từ ngày 17/6/2019 đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an Thành phố HN. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại Công ty TNHH Xây dựng và thương mại ĐT

Trụ sở: Khu Đầu công, tổ 1, phường GB, quận LB, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1979; chức vụ: Giám đốc Công ty (hiện trú tại: số nhà 83A, ngõ 83 đường NL, quận LB, thành phố HN). Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đặng Thị Ph, sinh năm 1968

Trú tại: số nhà 41A, phường Thuý Ái 1, phường Bạch Đằng, quận HBT, thành phố HN.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976

HKTT: thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện ĐA, thành phố HN(trú tại: xóm 6, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, thành phố HN).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Nguyễn Quang Ch thành lập Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TOP Việt Nam do Ch làm giám đốc kinh doanh trên lĩnh vực xây dựng. Công ty của Ch làm ăn thua lỗ do vậy Ch nảy sinh ý định đi thuê các cọc sắt công trình rồi đem đi bán lấy tiền phục vụ hoạt động của công ty.

Ngày 11/6/2019, Ch liên hệ với Công ty TNHH Xây dựng và thương mại ĐT (sau đây gọi tắt là Công ty Đức Thủy) để thuê 100 cây sắt U200 trong thời hạn 01 tháng và phải đặt cọc trước số tiền là: 50.400.000đ. Sau khi thỏa thuận với Công ty Đức Thủy; Ch lên mạng tìm người thu mua khối lượng sắt nêu trên và tìm được một người đàn ông không quen biết nhận lời mua. Ch nói với người mua là số sắt này công ty Ch thanh lý nên phải ứng tiền đặt cọc trước là: 50.400.000đ, người này đồng ý giao trước số tiền đặt cọc cho Ch, Ch cầm tiền đến Công ty Đức Thủy, làm hợp đồng kinh tế và đặt cọc số tiền trên. Sau đó Ch đến kho của Công ty Đức Thủy tại xã Yên Viên, GL nhận đủ số cọc sắt như hợp đồng và yêu cầu công ty Đức Thủy cho xe ô tô chở số cọc sắt trên đến thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố HN. Sau khi nhận đủ số lượng 100 cây cọc sắt loại U200, Ch đem bán cho người mua nêu trên với giá 67.500.000đ, trừ số 50.400.000 đồng tiền cọc, số tiền dư ra là: 17.100.000 đồng Ch sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết.

Cùng thủ đoạn nêu trên ngày 14/6/2019, Nguyễn Quang Ch tiếp tục đến Công ty Đức Thủy thuê 100 cây sắt U200 trong thời hạn 01 tháng, đặt cọc số tiền 48.000.000đ. Sau khi thỏa thuận và đặt cọc, Ch đã lên mạng tìm người mua là Đặng Thị Ph trú tại: phường Bạch Đằng, quận HBT, thành phố HN. Chị Phương đồng ý mua và giao trước cho Ch số tiền 48.000.000đ; Ch dùng số tiền này cắt cọc cho Công ty Đức Thủy. Sau khi đặt cọc và nhận 100 cây cọc sắt, Ch đã thuê xe ô tô của

người không quen biết chở số cọc sắt trên bán cho chị Phương, được số tiền 82.500.000đ, trừ tiền chị Phương đã đưa trước còn dư ra là: 27.000.000đ Ch sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Sau khi mua 100 cây cọc sắt của Ch, chị Phương đã bán lại cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 trú tại xóm 6 Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với số tiền 89.000.000đ.

Ngày 17/6/2019, cùng mục đích, thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Quang Ch tiếp tục thuê của Công ty Đức Thủy 30 cây sắt U200 trong thời hạn 01 tháng, đặt cọc số tiền 14.400.000đ. Cùng ngày, Ch liên lạc với Đặng Thị Ph về việc mua cọc sắt U200, chị Phương đồng ý. Ch được chị Phương ứng trước 20.000.000đ, khi có tiền Ch đặt cọc cho công ty Đức Thủy 14.400.000đ và nhận 30 cây sắt U200, sau đó bán cho chị Phương với số tiền 22.500.000đ, trả tiền thuê xe hết 2.500.000đ số còn lại 5.600.000đ Ch cầm.

Đối với chị Phương sau khi trả tiền cho Ch và nhận số sắt trên đã thuê xe ô tô của Công ty vận tải Vương Tuyên tại xã Vân Oanh, huyện Hoài Đức, thành phố HN do anh Đặng Văn Tuyên làm giám đốc, sau khi thỏa thuận anh Tuyên đã phân công lái xe Nguyễn Sỹ Hùng, sinh 1990 là lái xe của công ty đến kho công ty Đức Thủy tại xã Yên Viên, GL chở 30 cây cọc sắt U200, khi ô tô mới đi được một đoạn đến gần cầu Đuống thị trấn Yên Viên, huyện GL, thành phố HN thì bị Công an huyện GL, kiểm tra thu giữ số sắt trên. Nguyễn Quang Ch và chị Đặng Thị Ph đưa về trụ sở công an làm rõ.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của Nguyễn Quang Ch: 5.600.000 đồng; thu giữ của chị Đặng Thị Ph: 7.000.000 đồng và 30 thanh sắt hình chữ U200.

Quá trình điều tra, ông Ngô Văn Đ là giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đức Thủy đã nộp cho cơ quan Công an số tiền 14.400.000 đồng (là tiền Ch đặt cọc ngày 17/6/2019).

Theo kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 25/6/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện GL, kết luận cụ thể như sau:

+ Ngày 11/6/2019: 100 cây kim loại sắt (cừ) U200 đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 11.200 kg có hình dạng, đặc điểm, kích thước giống nhau dài: 6m, rộng 20 cm, hai cạnh cao 7,5 cm, dày: 0,6 mm có giá: 123.200.000 (11.000 đồng/kg x 11.200kg).

+ Ngày 14/6/2019: 100 cây kim loại sắt (cừ) U200 đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 11.200 kg có hình dạng, đặc điểm, kích thước giống nhau dài: 6m, rộng 20cm, hai cạnh cao 7,5cm, dày: 0,6 mm có giá 123.200.000 (11.000 đồng/kg x 11.200kg).

+ Ngày 17/6/2019: 30 cây kim loại sắt (cừ) U200 đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 3.400 kg có hình dạng, đặc điểm, kích thước giống nhau dài: 6m, rộng 20 cm, hai cạnh cao 7,5 cm, dày: 0,6mm có giá 37.400.000 (11.000 đồng/kg x 3.400kg).

Tổng tài sản chiếm đoạt là 25.800 kg cây kim loại sắt (cừ) trị giá: 283.800.000đ (hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Quang Ch đã thành khẩn khai nhận về hành vi của mình.

Bản cáo trạng số 129/CT-VKSGL ngày 05/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL truy tố bị cáo Nguyễn Quang Ch về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2019/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố HN đã xử bị cáo Nguyễn Quang Ch 08 năm tù, thời hạn tính từ ngày 17/6/2019.

Phản dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đức Thủy số tiền 212.200.000 đồng; buộc bị cáo trả cho chị Phương số tiền 14.900.000 đồng; Tịch thu xung công quỹ Nhà Nước số tiền 7.000.000 đồng và 14.400.000 đồng, trả cho chị Phương số tiền 5.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý tang vật; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện GL có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-KNPT về việc kháng nghị đối với bản án sơ thẩm với lý do:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Ch phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Ch từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2019.

- Tòa án sơ thẩm xác định trị giá tài sản mà Ch chiếm đoạt là 283.800.000 đồng mà không trừ đi số tiền Ch đã đặt cọc trước đó cho Công ty ĐT là 112.800.000 đồng nên đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. để quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quang Ch là không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố HN xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với Nguyễn Quang Ch phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản ,,.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận các hành vi phạm tội do mình thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, không thắc mắc kêu oan; do nhất trí với nội dung Bản án sơ thẩm đã xét xử nên bị cáo không kháng cáo. Đối với kháng nghị của VKS thì đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo không có đơn kháng cáo. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản ,, là đúng; tuy nhiên lại xác định bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền 283.300.000 đồng mà không trừ đi số tiền bị cáo đã đặt cọc trước đó cho Công ty ĐT là 112.800.000 đồng nên đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ

luật Hình sự là không phù hợp. Hành vi của bị cáo chỉ phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản,, theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đức Thủy là bị hại trong vụ án nhưng bản án sơ thẩm xác định là nguyên đơn dân sự là không đúng và buộc bị hại phải truy nộp số tiền đã bỏ ra chuộc tài sản là không đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị hại không kháng cáo nên chỉ cần sả bản án sơ thẩm về tư cách tham gi tố tụng, phần dân sự, án phí là đủ khong cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo mức án 08 năm tù theo quy định của khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Sửa phần dân sự của bản án: buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 134.000.000 đồng, không buộc bị hại phải truy nộp số tiền 98.400.000đ; trả cho chị Phương số tiền 20.000.000đ. Số tiền 7.000.000đ chị Phương nộp đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nội dung: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã xử và không kháng cáo.

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do Công ty Cổ phần TOP Việt Nam của bị cáo làm ăn thua lỗ, Nguyễn Quang Ch đã nảy sinh ý định đi thuê cọc sắt rồi bán lấy tiền phục vụ hoạt động công ty do mình và để thực hiện ý định của mình, Ch đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản bằng cách: Đề tạo lòng tin, Ch đã ký hợp đồng kinh tế, đặt cọc tiền với Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đức Thủy thuê cọc sắt (cù) U200 nhưng sau khi nhận tài sản, Chien khôn sử dụng vào hoạt động của Công ty mà bán lấy tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân của mình.

Với thủ đoạn này, trong 03 ngày, tại xã Yên Viên, huyện GL, thành phố HN, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 230 cây kim loại sắt (cù) U200 của Công ty Đức Thủy, cụ thể: Ngày 11/6/2019 chiếm đoạt 100 cây, ngày 14/6/2019 chiếm đoạt 100 cây và ngày 17/6/2019 sau khi chiếm đoạt 30 cây thì Ch bị cơ quan Công an phát hiện và bắt giữ cùng vật chứng.

Theo kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 25/6/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện GL, kết luận: 230 cây kim loại sắt (cù) U200 có tổng giá trị là 283.800.000đ (hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo khai số tiền đặt cọc các ngày 11/6 và 14/6 năm 2019 là tiền của bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào các lời khai của bị cáo và của những người có liên quan trong vụ án (các BL: 114, 118, 121, 124, 129, 130, 133, 138 và 143), Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: bị cáo đã dùng số tiền ứng trước của người mua để đặt cọc cho Công ty Đức Thủy các ngày 11, 14 tháng 6/2019.

Đối với số tiền đặt cọc 112.800.000 đồng của người mua cọc sắt do Nguyễn Quang Ch dùng thủ đoạn gian dối: Người mua không biết việc Nguyễn Quang Ch bằng thủ đoạn gian dối đã lừa đảo Công ty ĐT để bán cho mình. Việc mua bán này có giao nhận hàng, giao nhận tiền và không có căn cứ xác định có dấu hiệu hình sự. Toàn bộ số tiền Ch dùng để đặt cọc và tạo niềm tin đối với Công ty ĐT để giao hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của Pháp luật dân sự là nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thuê và việc thuê cọc số lượng cọc chỉ là thủ đoạn mà bị cáo cũng chỉ nhằm lừa đảo chiếm đoạt số tiền còn lại sau khi trừ đi số tiền đặt cọc. Do đó trường hợp này số tiền đặt cọc này phải được đối trừ đối vào tổng số tiền mà bị cáo đã lừa đảo theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá nêu trên, phù hợp với yêu cầu của bị hại về số tiền mà bị cáo phải bồi thường . Do đó, Nguyễn Quang Ch chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt là 171.000.000 đồng (283.800.000đ - 112.800.000 đồng) như .

Hành vi ký hợp đồng, đặt cọc tiền để tạo lòng tin với Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đức Thủy để thuê cọc sắt rồi đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân của Nguyễn Quang Ch là thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 171.000.000 đồng đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Quang Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tổng số tiền 283.800.000 đồng và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 – Bộ luật hình sự là chưa phù hợp.

Ngoài ra Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đức Thủy là bị hại trong vụ án nhưng bản án sơ thẩm xác định là Nguyên đơn dân sự là không đúng, không phù hợp quy định tại điều 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự và buộc bị hại phải truy nộp số tiền đã bỏ ra chuộc tài sản cũng là không đúng nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đức Thủy là bị hại trong vụ án. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản bị hại đã phải dùng tiền của mình chuộc lại một phần tài sản nhằm giảm bớt thiệt hại, lẽ ra cấp sơ thẩm chỉ cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại trong tổng số tiền mà bị hại yêu cầu. Việc buộc bị hại phải truy nộp số tiền này để xung công quỹ Nhà Nước là không phù hợp và gây thiệt hại cho quyền lợi của bị hại. Đối với số tiền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phương đã bỏ tiền ra để mua 30 cây cọc sắt (chị phương yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng), bị cáo đã dùng 14.400.000 đồng để đặt cọc cho bị hại và bị hại đã nộp số tiền này tại Cơ quan điều tra, bị cáo cũng nộp số tiền chênh lệch 5.600.00đ là tài sản hợp pháp của chị Phương nhưng cấp sơ thẩm không

tuyên trả cho chị mà lại xung công quỹ số tiền 14.400.000 đồng và chỉ trả cho chị Phương số tiền 5.600.000 đồng và buộc bị cáo trả cho chị Phương số tiền 16.900.000 đồng là thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm: bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không không kháng cáo phần dân sự nên chỉ cần sửa bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng, về điều khoản áp dụng trách nhiệm hình sự, mức án, tư cách tham gia tố tụng, phần dân sự, không buộc bị hại phải truy nộp số tiền 89.000.000 đồng và án phí dân sự của bản án sơ thẩm mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[2].*Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã khắc phục một phần hậu quả vụ án (bị cáo nộp số tiền 5.600.000 đồng) là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Ch thực hiện 03 hành vi phạm tội vào các ngày 11, 14 và 17 tháng 6/2019 phạm tội từ hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – Bộ luật hình sự 2015 như Toà án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[3]. *Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị* áp dụng đối với bị cáo trong khung hình phạt tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4].*Về hình phạt bổ sung*: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như nhận định của Toà án sơ thẩm là có căn cứ.

[5].*Về trách nhiệm dân sự*:

a./ Đối với bị hại: số 30 cọc sắt đã thu hồi trao trả bị hại và bị hại đã nộp cho cơ quan điều tra số tiền 14.400.000 đồng (tiền nhận đặt cọc ngày 17/06/2019);

Đối với lần 1 ngày 11/6/2019: Tài sản của Công ty ĐT bị chiếm đoạt 100 cây cọc sắt U200 giá trị tài sản là 123.200.000 đồng - 50.400.000 đồng (số tiền Ch đặt cọc) = 72.800.000 đồng

Đối với lần 2 ngày 14/6/2019: Tài sản của Công ty ĐT bị chiếm đoạt 100 cây cọc sắt U200 giá trị tài sản là 123.200.000 đồng – 48.000.000 đồng (số tiền Ch đặt cọc) = 75.200.000 đồng.

Ông Đức – Giám đốc Công ty ĐT đã tự đi chuộc lại 100 cây cọc sắt U200 của anh Nguyễn Văn D (người mua số sắt này của chị Phương bán) với tổng số tiền 89.000.000 đồng

Đối với lần 3 (ngày 17/6/2019): Công ty ĐT đã nhận lại 30 cây cọc sắt U200.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Quang Ch phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty ĐT là 72.800.000 đồng + 75.200.000 đồng = 148.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đại diện của bị hại tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 134.000.000 đồng (thấp hơn so với cách tính giá trị theo giá của Hội đồng định giá) là sự tự nguyện của bị hại nên cần chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phương đã mua các cọc sắt của bị cáo lần thứ 3 vào ngày 17/06/2019 với giá 22.500.000 đồng, tuy nhiên chị

mới đưa cho bị cáo số tiền 230.000.000 đồng (bút lục 155). Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị hại số tiền 14.400.000 đồng và của bị cáo số tiền 5.600.000 đồng tổng cộng 20.000.000 đồng là số tiền sở hữu hợp pháp của chị Phương nên trả cho chị Phương.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: số tiền 7.000.000 đồng chị Đặng Thị Ph tự nguyện nộp lại cho cơ quan điều tra do đây là số tiền thu lời bất chính.

[7]. Đối với Đặng Thị Ph, Nguyễn Văn D, Lê Sỹ Hùng là những người mua cọc sắt của Nguyễn Quang Ch và chở thuê số sắt trên nhưng khi mua và chở sắt, chị Phương, anh Dưỡng và anh Hùng không nhận thức được đó là tài sản do Ch phạm tội mà có, do vậy cơ quan điều tra Công an huyện GL không xem xét xử lý theo pháp luật như nhận định của Tòa án sơ thẩm là phù hợp.

[8]. Đối với người đàn ông mua cây cọc sắt của Ch tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố HN, do không xác định được nhân thân nên cơ quan điều tra - Công an huyện GL không có căn cứ xử lý là đúng quy định của pháp luật như nhận định của Tòa án sơ thẩm là phù hợp.

Bởi phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Thành phố HN. sửa bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng, về điều khoản áp dụng trách nhiệm hình sự, mức án, tư cách tham gia tố tụng, phần dân sự, không buộc bị hại phải truy nộp số tiền 89.000.000 đồng và sửa án phí dân sự của bản án sơ thẩm.

[9]. Về án phí: Do Bản án có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự .

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

I. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Thành phố HN;

II. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2019/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố HN;

Tuyên bố: Nguyễn Quang Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Quang Ch** 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2019.

III. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại ĐT số tiền 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi tư triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

IV. Về xử lý vật chứng: (số tiền này hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện GL, theo biên lai thu tiền số AA/2010/0001667, ngày 06/9/2019)

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng chị Đặng Thị Ph tự nguyện nộp lại cho cơ quan điều tra do đây là số tiền thu lời bất chính.

- Trả lại cho chị Đặng Thị Phương số tiền tổng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

VI. Về án phí: Sửa án phí dân sự: buộc bị cáo phải nộp 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

VII. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

VIII. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 20/2/2020.

Nơi nhận:

- TAND huyện GL;
- VKSND thành phố HN;
- VKSND huyện GL;
- Công an huyện GL;
- Chi cục THADS huyện GL;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia – Bộ Tư Pháp
- Lưu HS vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình T